

ĐỀ CƯƠNG THÔNG BÁO NHANH
KẾT QUẢ HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIII

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khoá, từ ngày 02/10 đến ngày 08/10/2023, tại Thủ đô Hà Nội, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã họp, cho ý kiến về các nội dung sau: (1) Báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch năm 2024; kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2024 - 2026 và lộ trình thực hiện chế độ tiền lương mới. (2) Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 10/6/2012 của Hội nghị Trung ương 5 khoá XI về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020. (3) Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. (4) Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. (5) Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. (6) Quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031. (7) Thành lập các tiểu ban chuẩn bị Đại hội XIV của Đảng. (8) Công tác cán bộ. (9) Báo cáo những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương giữa nhiệm kỳ đến Hội nghị Trung ương 8 và một số nhiệm vụ trọng tâm đến Hội nghị Trung ương 9 khoá XIII. (10) Báo cáo công tác tài chính đảng năm 2022.

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chủ trì, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng. Đại biểu mời dự Hội nghị có 28 đồng chí không là Ủy viên Trung ương Đảng, gồm: Bí thư Tỉnh uỷ Đắk Nông, quyền Bí thư Tỉnh uỷ Hà Giang, Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, Phó Tổng Biên tập phụ trách Tạp chí Cộng sản, Giám đốc Đại học quốc gia Hà Nội, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; các đồng chí Chính uỷ: Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Quân khu 2, Quân khu 4, Quân khu 9 và các đồng chí Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khoá XIII.

Sau 7 ngày làm việc, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã hoàn thành chương trình đề ra. Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và các đồng chí tham dự Hội nghị đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, phát huy dân chủ, trí tuệ, thẳng thắn thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến quan trọng vào các tờ trình, báo cáo, đề án. Bộ Chính trị đã họp, thảo luận để tiếp thu ý kiến thảo luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và giải trình những vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thống nhất cao

nội dung ý kiến tiếp thu và giải trình của Bộ Chính trị, thông qua những nội dung cơ bản các văn kiện của Hội nghị Trung ương.

Sau đây là Thông báo nhanh về kết quả Hội nghị:

I- VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023, KẾ HOẠCH NĂM 2024; KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2024 - 2026 VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG MỚI

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận về tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 - 2024, ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch năm 2024; kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2024 - 2026 và lộ trình thực hiện chế độ tiền lương mới; thống nhất ban hành Kết luận về tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 - 2024, với một số nội dung chính như sau:

1. Đánh giá tình hình năm 2023

Năm 2023, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột Nga - U-crai-na ngày càng gay gắt; nhiều quốc gia tăng trưởng chậm lại; thương mại và đầu tư toàn cầu sụt giảm; lạm phát ở mức cao dẫn đến việc nhiều nền kinh tế lớn vẫn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao. Nợ công toàn cầu tăng mạnh, nhiều quốc gia phải đối mặt với khủng hoảng nợ, thậm chí đứng trước nguy cơ vỡ nợ. Các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản quốc tế còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, bất cập. Thiên tai, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng; an ninh năng lượng, lương thực, an ninh mạng ngày càng gặp nhiều khó khăn, thách thức... Trong nước, nhiều khó khăn, thách thức từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm bộc lộ rõ hơn; khả năng cạnh tranh và sức chống chịu từ các cú sốc bên ngoài của nền kinh tế còn hạn chế; hoạt động xuất, nhập khẩu đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do suy giảm nhu cầu ở các thị trường quốc tế, nhất là những đối tác lớn, trong khi các nước gia tăng tiêu chuẩn, hàng rào mới đối với xuất, nhập khẩu, nhiều chuỗi cung ứng bị gián đoạn, áp lực cạnh tranh từ các nước khu vực, Châu Á tăng...; dịch bệnh, thiên tai, hạn hán, bão lũ diễn biến phức tạp, gây thiệt hại nặng nề ở nhiều địa phương...

Trong bối cảnh đó, tình hình kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực và đạt những kết quả quan trọng trên nhiều lĩnh vực; ước cả năm 2023 ít nhất có 10/15 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức khoảng 4%, tăng trưởng GDP quý sau cao hơn quý trước, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm; thị trường tiền tệ cơ bản ổn định; xuất, nhập khẩu tăng dần qua các tháng; an ninh năng lượng, lương thực được bảo đảm; thị trường lao động phục hồi; nợ công, nợ chính phủ, bội chi ngân sách nhà nước được kiểm soát; tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2023 ước tăng 6,8%; giải ngân vốn đầu tư công đến hết tháng 8 đạt 42,35% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ năm 2022 (39,15%); vốn FDI thực hiện đạt

khoảng 13,1 tỉ USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ... Nhiều tổ chức quốc tế có uy tín đánh giá cao kết quả và triển vọng của nền kinh tế Việt Nam.

Về hoàn thiện thể chế, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chống biến đổi khí hậu; cải cách hành chính và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được thực hiện quyết liệt, chỉ đạo tháo gỡ, xử lý dứt điểm, hiệu quả nhiều vấn đề tồn đọng, kéo dài. Công tác quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch điện VIII, quy hoạch tỉnh, ngành được tích cực triển khai. Hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược; nhiều dự án giao thông quan trọng được tập trung đầu tư. Công tác chăm lo phát triển văn hoá, xã hội, cải thiện đời sống Nhân dân được quan tâm; nhiều giá trị văn hoá truyền thống và di sản văn hoá của dân tộc được kế thừa, bảo tồn và phát triển. Ngành giáo dục tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng dạy và học; phát triển nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện linh hoạt, thiết thực, hiệu quả công tác đối ngoại, góp phần giữ vững môi trường hoà bình, ổn định và thuận lợi cho phát triển.

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế chưa đạt mục tiêu đề ra; sản xuất công nghiệp chưa phục hồi hoàn toàn, nhất là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; thị trường trong nước và ngoài nước bị thu hẹp; tiếp cận tín dụng còn khó khăn, tăng trưởng tín dụng đạt thấp, nợ xấu có xu hướng tăng; thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp tiềm ẩn rủi ro; việc xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém còn gặp nhiều khó khăn. Một số nội dung thuộc: Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội triển khai chậm. Một số cơ chế, chính sách, quy định pháp luật chậm được sửa đổi; phân cấp, phân quyền còn vướng mắc; thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực còn rườm rà, phức tạp; còn tình trạng đùn đẩy, né tránh, sợ sai, sợ trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn; số lao động mất việc làm, giảm giờ làm, rút bảo hiểm xã hội một lần gia tăng; tình trạng thiếu thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế chưa được khắc phục triệt để. Chất lượng nguồn nhân lực chưa chuyển biến rõ nét; nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hạn chế. An ninh, trật tự, an toàn xã hội, tội phạm ở một số địa bàn còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp; dịch bệnh, thiên tai, hạn hán, bão lũ, thời tiết cực đoan, sạt lở đất, bờ sông, bờ biển... tiếp tục diễn biến khó lường, gây hậu quả nặng nề.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế nêu trên là do tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh, phức tạp, nhiều khó khăn, thách thức; trong khi nước ta là nước đang phát triển, nền kinh tế trong quá trình chuyển đổi, quy mô còn nhỏ, độ mở lớn, sức chống chịu với các cú sốc từ bên ngoài và khả năng cạnh tranh còn hạn chế; công tác dự báo, phân tích và tham mưu, phản ứng chính sách trong một số trường hợp còn bị động; một bộ phận cán bộ thực thi còn có

tâm lý né tránh, sợ trách nhiệm trong triển khai công vụ; việc phân cấp, phân quyền một số lĩnh vực còn vướng mắc...

Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu những tháng cuối năm 2023 là:

- Tiếp tục thực hiện nhất quán mục tiêu giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; chủ động cập nhật các kịch bản về tăng trưởng, lạm phát, các cân đối lớn để phục vụ chỉ đạo, điều hành; bảo đảm cung ứng các mặt hàng thiết yếu, đặc biệt là điện, xăng, dầu.

- Thực hiện chính sách tiền tệ thận trọng, chắc chắn, bảo đảm tính chủ động, linh hoạt, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, hài hoà với điều hành chính sách tài khoá mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm hiệu quả và các chính sách khác.

- Thúc đẩy tăng thu ngân sách nhà nước, kiểm soát chi chặt chẽ, tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất đầu tư; đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 3 Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tập trung rà soát hoàn thiện thể chế chính sách pháp luật để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh; xử lý triệt để những tồn tại, hạn chế, vướng mắc kéo dài.

- Phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hoá, bảo đảm gắn kết hài hoà giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá. Làm tốt công tác an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo đảm đời sống người dân, người lao động, thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, người cao tuổi...

- Bảo đảm quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hội nhập quốc tế; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội; tiếp tục xây dựng hoàn thiện bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

2. Mục tiêu, định hướng nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2024

2.1. Mục tiêu

- Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng gắn với củng cố, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; tạo chuyển biến thực chất hơn trong các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và năng lực nội sinh của nền kinh tế. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án kết cấu hạ tầng chiến lược, trọng điểm, quan trọng quốc gia. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh; phát triển bền vững, an toàn, lành mạnh các loại thị trường. Quan tâm, phát triển toàn diện,

đồng bộ các lĩnh vực văn hoá; chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tiếp tục hoàn thiện, xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức. Quyết liệt phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế; làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, tạo đồng thuận xã hội; gìn giữ môi trường hoà bình, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đất nước.

- Năm 2024 phấn đấu tốc độ tăng trưởng GDP từ 6 - 6,5% và tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân khoảng 4 - 4,5%; dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024 tăng khoảng 2% so với thực hiện năm 2023 để ưu tiên tăng chi đầu tư phát triển của ngân sách trung ương và địa phương.

2.2. Định hướng các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

(1) Tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; phối hợp hài hoà, chặt chẽ với chính sách tài khoá mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách khác nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước; quản lý chặt chẽ thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời; triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên; kiểm soát chặt chẽ bội chi, nợ công trong giới hạn an toàn.

(2) Tiếp tục nâng cao hiệu quả phối hợp trong rà soát, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật. Chú trọng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để phục hồi và phát triển ổn định, lành mạnh, bền vững các loại thị trường, nhất là thị trường trái phiếu doanh nghiệp và thị trường bất động sản; cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

(3) Tập trung hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, nhất là công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, quan trọng quốc gia, hệ thống đường cao tốc, các dự án có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng chuyển đổi số; đẩy nhanh tiến độ một số tuyến đường sắt quan trọng quốc gia; hoàn thiện Đề án về dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, phấn đấu phê duyệt chủ trương đầu tư dự án trong năm 2024. Có giải pháp thiết thực, hiệu quả phát triển các dự án kết cấu hạ tầng theo phương thức PPP. Tập trung thực hiện hiệu quả Kế hoạch triển khai Quy hoạch điện VIII. Nghiên cứu, phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, không gian ngầm đô thị, khu công nghiệp.

(4) Tập trung thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và trong nội ngành gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh mới, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước; khẩn trương trình cấp có thẩm quyền Đề án đổi mới cơ chế phân cấp ngân sách nhà nước theo hướng tăng cường tính chủ đạo của ngân sách trung ương và nâng cao tính chủ động, tích cực của ngân sách địa phương. Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư công thực chất, hiệu quả; tập trung vốn cho các công trình trọng điểm; cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu. Nâng cao hiệu quả hoạt động gắn với cơ cấu lại hệ thống doanh nghiệp nhà nước; xử lý dứt điểm các vấn đề tồn đọng, kéo dài. Khuyến khích phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp tư nhân; tăng cường liên kết giữa tổ chức kinh tế tập thể với các thành phần kinh tế khác, gắn kết thị trường và doanh nghiệp.

(5) Chú trọng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp. Tiếp tục nâng cao chất lượng sách giáo khoa, triển khai Chương trình giáo dục phổ thông, thực hiện tự chủ đại học, nâng cao chất lượng giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, có chính sách ưu đãi đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học công nghệ, nhất là đầu tư phát triển công nghệ hydrogen xanh, sản xuất chip bán dẫn...

(6) Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hoá toàn quốc, Kết luận số 76-KL/TW, ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc, các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể của các vùng, miền; ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp và cải tạo hệ thống thiết chế văn hoá.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Thực hiện hiệu quả các giải pháp bảo đảm mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững. Thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương; xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ; làm tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động và quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam.

Chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; rà soát, hoàn thiện chính sách tiền lương, các chính sách bảo hiểm

xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo hướng mở rộng độ bao phủ và phát triển đối tượng tham gia; có giải pháp, chính sách hiệu quả để khắc phục tình trạng người lao động rút bảo hiểm xã hội một lần. Tăng cường kết nối cung - cầu, phát triển mạnh thị trường lao động; thúc đẩy tạo việc làm bền vững, sử dụng lao động hiệu quả, nhất là thông qua các chương trình, đề án, chính sách tín dụng hỗ trợ tạo việc làm, tham gia thị trường lao động. Triển khai nhanh, hiệu quả Đề án Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp.

Nâng cao năng lực dự báo, giám sát và phát hiện sớm, khống chế kịp thời, có hiệu quả các dịch bệnh, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng. Bảo đảm đủ, kịp thời vắc xin và duy trì tỉ lệ tiêm các loại vắc xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng trên 90%. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc, người dân vùng biên giới, hải đảo, vùng khó khăn; triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

(7) Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tập trung thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tập trung xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước; đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thượng nguồn và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước ở lưu vực các dòng sông xuyên biên giới, nhất là sông Mê Công và Sông Hồng. Thực hiện hiệu quả cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26 và Tuyên bố chính trị về chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP).

(8) Tăng cường liên kết vùng, tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại các nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh 6 vùng, trong đó phát huy mạnh mẽ vai trò của các hội đồng điều phối vùng. Khẩn trương triển khai thực hiện các quy hoạch vùng, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch tỉnh; phát huy vai trò của các vùng kinh tế - xã hội, các đô thị lớn. Tích cực triển khai Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(9) Đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; tiếp tục phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phân bổ nguồn lực; thực hiện quyết liệt việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan, đơn vị và sắp xếp tổ chức bộ máy đơn vị sự nghiệp công lập của bộ, ngành, địa phương. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, tập trung xây dựng chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số; xây dựng và sớm đưa vào vận hành các cơ sở dữ liệu quốc gia.

(10) Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, bảo vệ vững chắc, độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh, an toàn, trật tự xã hội. Hoàn thành sơ kết 5 năm thực hiện các nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị về chiến lược quân sự, quốc phòng. Triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; thu hút các nguồn lực để phục vụ phát triển đất nước, củng cố và nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam. Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội.

2.3. Về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024: Thực hiện chính sách tài khoá mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm hiệu quả, phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, hiệu quả với chính sách tiền tệ; có giải pháp huy động đủ nguồn lực để thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước, nợ công. Đẩy mạnh công tác quản lý thu, nguồn thu, mở rộng cơ sở thu; thực hiện quyết liệt, hiệu quả các giải pháp chống thất thu, chuyển giá, gian lận thương mại, các hoạt động thương mại dựa trên nền tảng số, quản lý chặt chẽ hoàn thuế; đôn đốc thu hồi các khoản nợ đọng thuế, giảm tỉ lệ nợ đọng thuế. Điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, các khoản chi chưa thực sự cần thiết bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, hỗ trợ phục hồi kinh tế. Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý, điều hành chặt chẽ giá các hàng hoá quan trọng, dịch vụ sự nghiệp công, nhất là giá xăng dầu. Bảo đảm sự vận hành ổn định, an toàn của thị trường tài chính và dịch vụ tài chính.

2.4. Về cải cách tiền lương: Từ ngày 01/7/2024, thực hiện phương án cải cách chính sách tiền lương đối với khu vực công theo Nghị quyết số 27-NQ/TW; từ năm 2025 trở đi tiếp tục điều chỉnh tiền lương tăng bình quân 7%/năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang cho đến khi mức lương thấp nhất đạt bằng hoặc cao hơn mức lương thấp nhất vùng I của khu vực doanh nghiệp. Đối với khu vực doanh nghiệp, năm 2024 và các năm tiếp theo, tiếp tục điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng theo quy định; xây dựng chính sách tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp nhà nước theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và quy định của pháp luật.

II- VỀ TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 KHOÁ XI MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2012 - 2020

Trên cơ sở đánh giá tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020, Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất ban hành Nghị quyết mới với tên gọi *Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới*, với những nội dung cơ bản sau:

1. Tình hình

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất đánh giá, sau 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020, lĩnh vực xã hội đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, thể hiện ngày càng rõ tính ưu việt của chế độ ta. Đời sống của Nhân dân không ngừng được cải thiện; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; kinh tế, xã hội phát triển toàn diện, hài hoà hơn. Các chính sách xã hội không ngừng được hoàn thiện theo hướng công bằng, tiến bộ, tiếp cận các tiêu chuẩn quốc tế. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi và tôn vinh đối với người có công với cách mạng; là quốc gia đi đầu trong giảm nghèo và thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc, được quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Thể chế thị trường lao động từng bước được hoàn thiện; việc làm cho người lao động cơ bản được bảo đảm. Độ bao phủ của bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ngày càng được mở rộng; hệ thống y tế, giáo dục, cơ sở trợ giúp xã hội tiếp tục được kiện toàn. Quy mô, năng lực, chất lượng dịch vụ xã hội cơ bản được nâng lên. Hệ thống trợ giúp xã hội từng bước được hoàn thiện, hỗ trợ kịp thời những người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, vẫn còn một số hạn chế, yếu kém: Kết quả giảm nghèo chưa thật bền vững; bất bình đẳng thu nhập có xu hướng gia tăng; đời sống của một bộ phận người dân, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng thường xuyên bị thiên tai còn nhiều khó khăn; thị trường lao động chậm phát triển, chất lượng nguồn nhân lực, việc làm thấp; phạm vi bao phủ của bảo hiểm xã hội còn thấp, độ bao phủ của chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên còn hẹp; y tế dự phòng còn yếu; tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi còn cao; chất lượng giáo dục phổ thông ở vùng sâu, vùng xa còn hạn chế; nhà ở cho người lao động, người có thu nhập thấp chưa được bảo đảm.

Những hạn chế, yếu kém trên chủ yếu là do nhận thức của một số cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò của chính sách xã hội chưa đầy đủ; hệ thống chính sách, pháp luật chưa đồng bộ, việc tổ chức triển khai thực hiện còn nhiều hạn chế; phương thức quản lý, quản trị còn chậm đổi mới, tổ chức bộ máy, nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu; việc huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực thực hiện chính sách xã hội có nơi, có lĩnh vực còn hạn chế, chưa hiệu quả.

2. Quan điểm chỉ đạo

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất quan điểm:

- Chính sách xã hội là chính sách cho con người, vì con người, có vị trí, vai trò quan trọng trong hệ thống chính sách của Đảng, Nhà nước; thể hiện

đặc trưng, bản chất tốt đẹp của chế độ ta, góp phần quan trọng trong bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội; tạo điều kiện để Nhân dân tham gia và thụ hưởng ngày một tốt hơn thành quả của sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước.

- Xây dựng và thực hiện chính sách xã hội phải đặt trong tổng thể quản lý phát triển xã hội bền vững; giải quyết hài hoà các quan hệ xã hội, kiểm soát phân tầng xã hội và xử lý kịp thời, hiệu quả các rủi ro.

- Đầu tư cho thực hiện các mục tiêu chính sách xã hội là đầu tư cho phát triển. Cần huy động và phân bổ nguồn lực phù hợp với khả năng nền kinh tế và yêu cầu hiện thực hoá mục tiêu chính sách xã hội; trong đó nguồn lực nhà nước đóng vai trò chủ đạo, nguồn lực của xã hội là quan trọng.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể, mục tiêu, động lực, nguồn lực để phát triển; hỗ trợ người dân ứng phó kịp thời, thích ứng linh hoạt, hiệu quả trước các rủi ro trong cuộc sống.

- Thực hiện chính sách xã hội phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lý chặt chẽ, hiệu quả của Nhà nước, sự giám sát thường xuyên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, sự tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp. Khơi dậy khát vọng phát triển, phát huy truyền thống tương thân tương ái, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, ý chí tự lực, tự cường của Nhân dân trong giải quyết các vấn đề xã hội.

3. Mục tiêu, tầm nhìn

Mục tiêu tổng quát đến năm 2030 là: Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, thích ứng, linh hoạt; nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân bảo đảm cơ hội tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng tốt, nhất là về nhà ở, y tế, giáo dục; phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển việc làm bền vững; tạo điều kiện để mọi người dân phát huy tiềm năng, phát triển toàn diện và có thu nhập trung bình cao; quản lý phát triển xã hội hiệu quả, nghiêm minh, đi đôi với bảo đảm quyền con người, an ninh con người, an sinh xã hội.

Tầm nhìn đến năm 2045 là: Phát triển xã hội hiện đại, bền vững góp phần xây dựng đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và phát triển con người Việt Nam toàn diện, phát huy tiềm năng, thế mạnh đóng góp cho phát triển xã hội hài hoà; người dân được bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, có thu nhập cao và có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc trong đất nước hùng cường, thịnh vượng.

4. Nhiệm vụ và giải pháp

Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

4.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong xây dựng và thực hiện chính sách xã hội. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động. Các bộ, ngành, tổ chức liên quan phát huy vai trò, chủ động trong xây dựng, thực hiện chính sách xã hội; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

4.2. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, tổ chức nhận thức đúng, đầy đủ về chính sách xã hội; quyết tâm xây dựng và thực hiện chính sách xã hội toàn diện, hiện đại, bao trùm và bền vững, dựa trên quyền con người, vì con người, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể. Xây dựng nội dung và phương pháp tuyên truyền, giáo dục phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực và hiệu quả, hình thức đa dạng, phong phú.

4.3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về chính sách xã hội

Hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước tập trung, thống nhất, xuyên suốt trong chỉ đạo điều hành về chính sách xã hội từ Trung ương đến địa phương. Tăng cường quản lý nhà nước trong xây dựng và thực hiện chính sách xã hội. Xây dựng hệ thống quản trị hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hoá trách nhiệm cá nhân; hiện đại hoá công tác quản lý nhà nước, số hoá các quy trình quản lý; hoàn thiện hệ thống các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành bảo đảm liên thông và kết nối. Hoàn thiện cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội linh hoạt, hiệu quả; bên cạnh nguồn lực của Nhà nước là chủ đạo, huy động hợp lý nguồn lực tài chính từ xã hội; tăng cường xã hội hoá và hợp tác công tư trong thực hiện chính sách xã hội.

4.4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm bền vững, phát triển thị trường lao động

Xây dựng cơ cấu dân số hợp lý, chuyển trọng tâm chính sách dân số kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển, nâng cao chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng. Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là hiện đại hoá và đa dạng hoá phương thức

giáo dục, đào tạo; đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại cho lực lượng lao động; phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập. Giải quyết việc làm bền vững cho người lao động; thúc đẩy dịch chuyển cơ cấu lao động, từng bước thu hẹp khu vực việc làm phi chính thức; chú trọng tạo việc làm và sinh kế cho các nhóm đối tượng yếu thế.

4.5. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, thích ứng linh hoạt, bảo đảm không để ai bị bỏ lại phía sau

Tăng cường chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, tôn vinh đầy đủ đối với người có công với cách mạng; bảo đảm người có công và gia đình có mức sống từ trung bình khá trở lên trong địa bàn cư trú; tập trung nguồn lực giải quyết các tồn đọng trong thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp... Hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng chủ động, linh hoạt, kịp thời hỗ trợ cho người dân khắc phục khó khăn, không để ai bị bỏ lại phía sau. Phát triển công tác xã hội chuyên nghiệp, tăng cường phòng ngừa các vấn đề xã hội. Có giải pháp phù hợp ứng phó với vấn đề già hoá dân số, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chăm sóc sức khoẻ cho người cao tuổi; phát triển hệ thống cơ sở và dịch vụ chăm sóc xã hội cho người cao tuổi. Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản đối với người nghèo; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập của các hộ nghèo, cận nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

4.6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

- *Về chính sách giáo dục:* Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, bảo đảm công bằng, bình đẳng, phục vụ học tập suốt đời. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xoá mù chữ, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục cho trẻ mẫu giáo dưới 5 tuổi. Phát triển mạng lưới trường lớp công lập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, miền núi, biên giới, hải đảo...

- *Về chính sách y tế:* Phát triển bảo hiểm y tế toàn dân; đa dạng các gói bảo hiểm y tế. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bảo đảm hội nhập quốc tế; chú trọng phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng.

- *Về chính sách phát triển văn hoá:* Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh. Không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá, chú trọng phát triển văn hoá vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- *Về chính sách thông tin, truyền thông*: Tăng cường phổ cập dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin, công nghệ số; bảo vệ người dân an toàn trên môi trường mạng. Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới.

- *Về chính sách nhà ở*: Có chính sách hỗ trợ phù hợp về đất đai, vốn, tín dụng bảo đảm nhà ở cho người có thu nhập thấp, công nhân lao động, người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai; khuyến khích tư nhân phát triển nhà ở cho người lao động.

- *Về nước sạch và vệ sinh môi trường*: Bảo đảm nhu cầu thiết yếu về nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn đối với mọi người dân. Cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân, ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ suy thoái và ô nhiễm môi trường.

4.7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

Đổi mới cung cấp dịch vụ xã hội theo hướng hiện đại, hội nhập. Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, linh hoạt, theo hướng chuyên nghiệp; chú trọng các dịch vụ về việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, chăm sóc người cao tuổi; phát triển đa dạng các mô hình chăm sóc, các loại hình cơ sở trợ giúp xã hội, ngoài công lập và hợp tác công tư. Có cơ chế, chính sách khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, cung cấp dịch vụ xã hội.

4.8. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện

Tiếp tục nội luật hoá, tăng cường tính tuân thủ, cải thiện tiêu chuẩn về lao động, việc làm và an sinh xã hội phù hợp với các công ước, điều ước và khuyến nghị quốc tế. Tăng cường triển khai hợp tác quốc tế song phương và đa phương; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, nguồn tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật của các nước, các tổ chức và cá nhân nước ngoài cho thực hiện chính sách xã hội.

4.9. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập, trọng tâm là bảo đảm việc làm bền vững và sinh kế.

- Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, thích ứng linh hoạt bảo đảm an sinh xã hội cho toàn dân, chú trọng phát triển y tế và giáo dục, đặc biệt quan tâm khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đến năm 2030, xây dựng ít nhất một triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp; đồng thời đa dạng hoá các hình thức như mua, thuê, thuê mua; xoá bỏ hoàn toàn tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho các đối tượng là người nghèo, cận nghèo và đối tượng xã hội.

III- VỀ TỔNG KẾT 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 23-NQ/TW, NGÀY 12/3/2003 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ IX VỀ PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÌ DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH, XÃ HỘI CÔNG BẰNG, DÂN CHỦ, VĂN MINH

Trên cơ sở tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất ban hành Nghị quyết mới với tên gọi *Tiếp tục phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc*, với những nội dung cơ bản sau:

1. Tình hình

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định: Qua 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về đại đoàn kết và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc sâu sắc hơn. Nhiều chủ trương, chính sách mới được Đảng, Nhà nước ban hành và thực hiện có hiệu quả nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, chú trọng phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố, tăng cường; sức mạnh đại đoàn kết được phát huy trên mọi lĩnh vực, góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của sự nghiệp đổi mới. Dân chủ tiếp tục được phát huy và ngày càng đi vào thực chất; từng bước phát huy vai trò của Nhân dân trong quyết định những vấn đề lớn và hệ trọng của đất nước; quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân theo Hiến pháp năm 2013 được tôn trọng, bảo đảm; chú trọng nâng cao dân chủ đại diện, mở rộng dân chủ trực tiếp, nhất là dân chủ ở cơ sở, bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; người đứng đầu cấp uỷ đảng, chính quyền tăng cường tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân, lắng nghe, giải quyết những kiến nghị, bức xúc của Nhân dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, vận động, tập hợp, khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo của các tầng lớp Nhân dân đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phát huy tốt vai trò đại diện quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân; chủ động tham gia giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân.

Tuy nhiên, việc phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở một số lĩnh vực, địa bàn kết quả còn thấp; nhiều nguồn lực trong Nhân dân chưa được phát huy hiệu quả; đời sống của một bộ phận Nhân dân còn khó khăn; khoảng cách giữa các vùng miền, khu vực còn lớn. Cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" và phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" chưa cụ thể hoá kịp thời; quyền làm chủ của Nhân dân có nơi còn bị vi phạm; khối đại đoàn kết toàn dân tộc,

mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân có lúc, có nơi chưa gắn bó chặt chẽ. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội chưa phát huy hết vai trò tập hợp, đoàn kết các tầng lớp Nhân dân; chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm đại diện quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân; hoạt động giám sát, phản biện xã hội chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm chủ yếu là: Nhận thức của một số cấp uỷ, tổ chức đảng chưa đầy đủ, sâu sắc về vị trí, tầm quan trọng và thiếu tích cực trong việc triển khai Nghị quyết về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới; một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thiếu gương mẫu; chưa thực sự tôn trọng Nhân dân, không kịp thời giải quyết những bức xúc, kiến nghị của người dân. Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn chưa làm rõ nội dung cốt lõi về đại đoàn kết toàn dân tộc, về sự biến động và những vấn đề mới đặt ra đối với mỗi giai tầng, về liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức trong điều kiện mới. Một số chính sách, pháp luật được ban hành chưa sát với thực tiễn cuộc sống, khi thực hiện gây nhiều bức xúc trong Nhân dân; có chủ trương đúng nhưng chậm được triển khai, thực hiện.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của Đảng; là nguồn sức mạnh, là nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nền tảng vững chắc của đại đoàn kết dân tộc là liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo; là mối quan hệ bền chặt giữa Đảng và Nhân dân, là niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước; là đoàn kết giữa các giai tầng xã hội, giữa cộng đồng các dân tộc Việt Nam, giữa đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo, giữa những người theo các tôn giáo khác nhau, giữa người Việt Nam ở trong và ngoài nước; là đoàn kết giữa Nhân dân Việt Nam và Nhân dân yêu chuộng hoà bình, tiến bộ trên thế giới.

- Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và khát vọng xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, đến năm 2045 nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao làm điểm tương đồng, động viên, cổ vũ mọi tầng lớp Nhân dân hướng tới tương lai vì hạnh phúc của mọi người dân Việt Nam.

- Gắn đại đoàn kết toàn dân tộc với phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tôn trọng quyền con người, quyền công dân, thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích trong xã hội; lấy lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân là trung tâm của mọi chủ trương, chính sách; bảo đảm sự công bằng, bình đẳng của các dân tộc và của mỗi người dân trong tiếp cận các cơ hội phát triển, đóng góp cho sự phát triển đất nước và thụ hưởng thành quả của phát triển.

- Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng đoàn kết của hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt để tập hợp, đoàn kết, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, tiềm năng, sức sáng tạo của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Mục tiêu

Tiếp tục phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo đồng thuận xã hội, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, niềm tin, khát vọng cống hiến và xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc để thực hiện thành công mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

4. Chủ trương, giải pháp chủ yếu

4.1. Nâng cao nhận thức của các cấp uỷ, tổ chức đảng, hệ thống chính trị và Nhân dân về vị trí, tầm quan trọng của phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn mới

Tiếp tục quán triệt sâu sắc tư tưởng "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công" của Chủ tịch Hồ Chí Minh; về vị trí, tầm quan trọng của phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và làm sâu sắc hơn trong nhận thức, hành động của các cấp uỷ, tổ chức đảng, hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân.

Chú trọng công tác chính trị tư tưởng, đa dạng hoá hình thức tuyên truyền, mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục về tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa, khoan dung; trách nhiệm công dân; đạo đức xã hội cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Chủ động phát hiện từ sớm, từ xa, kịp thời xử lý, kiên quyết đấu tranh phòng, chống các âm mưu, hành động chia rẽ Nhân dân với Đảng và Nhà nước, chia rẽ và phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

4.2. Bổ sung, hoàn thiện chủ trương, chính sách phù hợp với giai đoạn mới nhằm phát huy mạnh mẽ các giai tầng xã hội, khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển của cả dân tộc

Tiếp tục bổ sung, phát triển, hoàn thiện chủ trương, chính sách phù hợp tình hình thực tiễn giai đoạn mới nhằm tăng cường, củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò, sự đóng góp của các tầng lớp Nhân dân; khơi dậy, phát huy mọi nguồn lực, tiềm năng, sức sáng tạo của mỗi người Việt Nam vì "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn làm rõ những nhân tố tác động đến sự phân hoá, biến động của các giai tầng xã hội; làm rõ nội hàm về đại đoàn kết toàn dân tộc, về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và nội dung cốt lõi của liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức trong tình hình mới; xây dựng và triển khai chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4.3. Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh; giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng trong xây dựng và phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc

Kiên trì thực hiện tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; thực hiện mạnh mẽ, liên tục công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, củng cố, tăng cường niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân.

Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; nâng cao năng lực dự báo tình hình, tầm nhìn chiến lược trong hoạch định đường lối, chủ trương và ban hành nghị quyết, chính sách, pháp luật nhằm phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc, khơi dậy và phát huy mọi nguồn lực, tiềm năng, sức sáng tạo của các tầng lớp Nhân dân.

Thực hành và phát huy dân chủ, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng và hệ thống chính trị, làm hạt nhân lãnh đạo tập hợp, đoàn kết các tầng lớp Nhân dân, đoàn kết người Việt Nam ở trong và ngoài nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

4.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước; phát huy mạnh mẽ vai trò của Nhà nước trong xây dựng và thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo. Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định. Việc xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ sự đòi hỏi thực tiễn của cuộc sống, từ nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

Mọi hoạt động của cơ quan trong hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải phục vụ Nhân dân, lo trước Nhân dân, vui sau Nhân dân; lấy ấm no và hạnh phúc của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Kịp thời giải quyết hiệu quả các công việc có quan hệ trực tiếp đến đời sống Nhân dân, nhất là những vấn đề Nhân dân bức xúc. Thực hiện đúng đắn chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước.

4.5. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ hoá đời sống xã hội; phát huy nhân tố con người là trung tâm, là chủ thể, là nguồn lực chủ yếu, là mục tiêu của đại đoàn kết toàn dân tộc

Thể chế hoá và thực hiện đúng đắn, hiệu quả cơ chế Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, nhất là dân chủ ở cơ sở. Tổ chức thực hiện tốt Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, hình thức phù hợp để Nhân dân tham gia ý kiến đối với những vấn đề lớn và đặc biệt quan trọng của đất nước.

Phát huy hiệu quả vai trò giám sát, phản biện xã hội và góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Nhân dân, trọng tâm là trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; nêu cao trách nhiệm giải trình, tiếp thu của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống Nhân dân và sự phát triển bền vững đất nước.

4.6. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng theo hướng sáng tạo, thiết thực, vận động quần chúng, huy động mọi nguồn lực phục vụ phát triển đất nước

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực sự là liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện đại diện cho ý chí, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.

Tăng cường vai trò nòng cốt chính trị, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp, vận động Nhân dân đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động cách mạng, thực hành dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

4.7. Tổ chức các phong trào thi đua yêu nước

Đổi mới phong trào thi đua theo hướng thiết thực, kịp thời, hiệu quả hướng mạnh về cơ sở để người dân có nhiều cơ hội tham gia, thực sự là chủ thể trong phát triển kinh tế, lao động sản xuất, sáng tạo, làm giàu cho gia đình, xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với chính quyền đề xuất các phong trào thi đua yêu nước phù hợp thực tiễn, nhất là lĩnh vực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, tạo việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống, mang lại hạnh phúc cho mọi người dân nhằm gắn kết cộng đồng, khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển trong mỗi người dân.

IV- VỀ TỔNG KẾT 15 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 27-NQ/TW, NGÀY 06/8/2008 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ X VỀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận Báo cáo tổng kết và thống nhất ban hành Nghị quyết với tên gọi *Tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới*, với những nội dung cơ bản như sau:

1. Tình hình

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về xây dựng đội ngũ trí thức nước ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Nhận thức chung trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vai trò, vị trí của trí thức ngày càng đầy đủ và toàn diện hơn. Nhà nước đã thể chế hoá và ban hành cơ chế, chính sách đầu tư, bố trí nguồn lực để phát huy vai trò của đội ngũ trí thức; thu hút, tập hợp, tôn vinh, đãi ngộ đối với trí thức. Đội ngũ trí thức Việt Nam đã phát triển nhanh về số lượng, nâng cao về chất lượng, chủ động, tích cực tham gia nghiên cứu, ứng dụng sáng tạo khoa học; là lực lượng đi đầu trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Đội ngũ trí thức có nhiều đóng góp vào sự phát triển công nghiệp, công nghệ và sáng tạo để tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới và giải pháp cho các vấn đề kinh tế; ở một số lĩnh vực trọng yếu, nhiều trí thức có năng lực, trình độ khoa học tiệm cận với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, tạo động lực phát triển, nâng cao năng suất, có khả năng giúp quốc gia cạnh tranh mạnh hơn trên thị trường quốc tế, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao vị thế quốc gia. Tổ chức bộ máy, cán bộ các hội trí thức được củng cố, kiện toàn, nội dung, phương thức hoạt động có nhiều đổi mới, sáng tạo, thiết thực, làm tốt vai trò cầu nối giữa đội ngũ trí thức với Đảng, Nhà nước. Môi trường, điều kiện làm việc, nguồn lực, cơ sở vật chất hoạt động của trí thức đã được cải thiện.

Tuy nhiên, công tác xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước còn những hạn chế, khuyết điểm: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chưa được hoàn thiện đồng bộ; một số nội dung của Nghị quyết chậm được thể chế hoá; thiếu cơ chế, chính sách đột phá, nhất là chính sách đầu tư, huy động các nguồn lực cho việc đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng, tôn vinh trí thức trong và ngoài nước, đặc biệt là trí thức tinh hoa, các nhà khoa học đầu ngành. Cơ cấu, số lượng, chất lượng của đội ngũ trí thức còn bất hợp lý trong các ngành nghề, khu vực. Thiếu cơ chế về tài chính để các hội trí thức chủ động, tích cực tham gia nghiên cứu, ứng dụng và phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ, tư vấn, phản biện và giám định xã hội. Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tính chủ động trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo đối với đội ngũ trí thức còn hạn chế. Một số cấp uỷ, người đứng đầu cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến công tác xây dựng Đảng, phát

triển đảng viên trong đội ngũ trí thức. Chưa xây dựng Chiến lược quốc gia về phát triển đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; thiếu hụt chuyên gia trong các lĩnh vực quan trọng.

Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm nêu trên là do: Nhận thức của một số cấp uỷ, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của đội ngũ trí thức chưa triệt để, trách nhiệm chưa cao. Chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng đội ngũ trí thức chưa đồng bộ, liên thông, hiệu lực, hiệu quả. Một bộ phận trí thức chưa chủ động, trông chờ, ỷ lại, né tránh, ngại bày tỏ chính kiến, thiếu gương mẫu, năng lực, phẩm chất, uy tín hạn chế, vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật Nhà nước ảnh hưởng đến niềm tin của Đảng, Nhà nước, Nhân dân đối với đội ngũ trí thức.

2. Quan điểm

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất các quan điểm sau:

- Xác định trí thức Việt Nam là nguồn lực lao động chất lượng cao, là lực lượng lao động sáng tạo, có vinh dự và bổn phận tiên phong, trực tiếp tham gia sự nghiệp đổi mới, cống hiến xây dựng, phát triển đất nước; nâng cao dân trí, nhân lực; bồi dưỡng, đào tạo nhân tài trên các lĩnh vực, góp phần quan trọng nâng tầm trí tuệ và sức mạnh dân tộc, thúc đẩy đất nước phát triển nhanh, bền vững; là lực lượng có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng liên minh giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng; phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh cả về số lượng và chất lượng, có cơ cấu hợp lý, có lộ trình và bước đi phù hợp, gắn với phát huy vai trò, trách nhiệm và năng lực của trí thức trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị, các hội nghề nghiệp của trí thức và toàn xã hội.

- Tôn trọng, phát huy tự do tư tưởng, học thuật, thực hành dân chủ trong hoạt động nghiên cứu sáng tạo; trọng dụng nhân tài, trí thức tinh hoa, nhà khoa học đầu ngành chính là tạo môi trường, điều kiện thuận lợi và động lực căn bản để xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức và phát huy vai trò, vị trí và sự cống hiến của trí thức, thực sự xứng tầm là *nguyên khí quốc gia*.

3. Mục tiêu, tầm nhìn

Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 như sau:

3.1. Mục tiêu đến năm 2030

- Phát triển đội ngũ trí thức cả về chất lượng và số lượng; có cơ chế để lắng nghe, giải quyết tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đội ngũ trí thức;

thường xuyên tổ chức tham vấn, đối thoại, phản biện xã hội, phát huy sự tham gia tích cực, tâm huyết của đội ngũ trí thức, các chuyên gia đầu ngành đóng góp cho tầm nhìn, chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại...

- Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, chuyên gia, nhà khoa học, trí thức đầu ngành, nhất là trong các lĩnh vực then chốt, trọng yếu, lĩnh vực mới gắn với các mục tiêu phát triển đất nước nhanh và bền vững; tập trung xây dựng đội ngũ trí thức trên các lĩnh vực khoa học, ưu tiên nguồn lực, tỉ lệ đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học lý luận và quản lý, văn hoá nghệ thuật.

- Sớm thành lập và xây dựng cơ chế vận hành, điều kiện hoạt động của các trung tâm tích hợp khoa học, công nghệ hiện đại đạt trình độ các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới tại 6 vùng kinh tế - xã hội hoặc tập trung tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tăng số lượng, chất lượng công trình khoa học công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế có uy tín; số lượng, chất lượng tạp chí khoa học của Việt Nam đạt trình độ khu vực và quốc tế; công trình phục vụ công nghệ cao của đất nước; sản phẩm văn học, nghệ thuật đỉnh cao.

3.2. Tầm nhìn đến năm 2045: Đội ngũ trí thức Việt Nam phát triển có trọng tâm, trọng điểm và trình độ ở một số lĩnh vực, ngành, ngang bằng trí thức các nước phát triển trên thế giới; có nhiều nhà khoa học đạt các giải thưởng uy tín thế giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn học, nghệ thuật; có nhiều tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục và đào tạo đạt chuẩn quốc tế, đóng góp quan trọng vào thực hiện mục tiêu Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

4. Nhiệm vụ, giải pháp

Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể sau:

4.1. Tiếp tục đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác trí thức trong giai đoạn mới

- Tiếp tục đổi mới tư duy, thống nhất và nâng cao nhận thức của các cấp uỷ, tổ chức đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của đội ngũ trí thức.

- Tôn trọng sáng tạo, dân chủ, lắng nghe phản biện của đội ngũ trí thức, bảo đảm hiệu quả, thiết thực. Cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp, trước hết là người đứng đầu có trách nhiệm xây dựng chương trình, kế hoạch thu hút, trọng dụng, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ trí thức trên địa bàn, lĩnh vực được giao.

- Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả tuyên truyền, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác trí thức.

- Đề cao trách nhiệm nêu gương đảng viên là trí thức, nhất là trí thức lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về công tác xây dựng đội ngũ trí thức trong tình hình mới; chú trọng phát triển đảng trong đội ngũ trí thức, nhất là trí thức trẻ.

4.2. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ trí thức

- Tạo đột phá, bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài; đẩy mạnh khuyến học, khuyến tài; xây dựng xã hội học tập; hình thành nền kinh tế tri thức, thúc đẩy liên kết, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau giữa trí thức và với các giai tầng khác trong xã hội.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng đào tạo đại học gắn với nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học. Tập trung phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và một số cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu trọng điểm ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực, thế giới. Khuyến khích hình thành các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu liên kết hoặc hợp tác với các cơ sở tiên tiến trên thế giới.

- Kịp thời phát hiện người hiền tài trong nước và ngoài nước, thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài ở một số ngành, lĩnh vực quan trọng, trí thức trẻ, trí thức là những người đã có công hiến trong hoạt động thực tiễn, trí thức người dân tộc thiểu số và trí thức nữ.

4.3. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách đối với đội ngũ trí thức

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với trí thức; thể chế hoá nghị quyết, kết luận của Đảng về trí thức thành cơ chế, chính sách đồng bộ, liên thông, hiệu lực, hiệu quả với một số nghị quyết quan trọng có liên quan như: Về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, về phát triển khoa học và công nghệ, về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, về văn hoá, văn học nghệ thuật; kịp thời thể chế hoá thành cơ chế, chính sách phù hợp với đặc thù hoạt động của trí thức.

- Có cơ chế phát huy dân chủ, tự do sáng tạo và đề cao đạo đức, trách nhiệm trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo; văn hoá và văn nghệ; có cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ trí thức hoạt động trong từng ngành, lĩnh vực, địa bàn để góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

- Có chính sách đặc thù cho từng ngành, từng lĩnh vực trọng điểm và thu hút, trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức; thu hút trí thức trẻ có trình độ cao vào làm việc khu vực công, trí thức Việt Nam ở nước ngoài; tận dụng tiềm năng, cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư hỗ trợ thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tiếp thu và truyền bá tri thức.

- Đổi mới công tác đánh giá, xét duyệt các chức danh khoa học và các danh hiệu tôn vinh trí thức; tạo điều kiện cho đội ngũ trí thức nâng cao hiệu quả, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo hướng chuyên nghiệp, mở rộng.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ, các trường đại học trong việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo và các chức danh khoa học bảo đảm tiêu chuẩn của Nhà nước; nghiên cứu ban hành quy định tuổi lao động đối với trí thức cho phù hợp.

4.4. Tăng cường nguồn lực, chủ động hội nhập quốc tế để xây dựng đội ngũ trí thức

- Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư phát triển về hạ tầng, môi trường làm việc, nghiên cứu, sáng tạo của trí thức. Huy động và phát huy hiệu quả các nguồn lực xã hội, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đặt hàng, giao nhiệm vụ nghiên cứu đề tài, đề án trọng điểm quốc gia, thành lập các quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học, nhà nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ cao tham gia các chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm phát triển các sản phẩm mới tăng cường cạnh tranh quốc tế.

- Tăng cường hợp tác, thu hút trí thức người Việt Nam ở nước ngoài góp phần đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, giúp Việt Nam nhanh chóng hội nhập quốc tế và phát triển ngang bằng các nước tiên tiến với những cơ chế, chính sách cụ thể, khả thi.

- Sớm ban hành các tiêu chí thu hút, trọng dụng, sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức, nhất là trí thức trẻ tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hiến kế, đóng góp các ý kiến xây dựng quê hương, đất nước.

- Đẩy mạnh hợp tác, mở rộng giao lưu học thuật, chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ với các quốc gia, tổ chức đối tác quan trọng có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến. Chủ động tham gia mạng lưới đổi mới sáng tạo toàn cầu; tăng cường liên kết, hợp tác, chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài.

4.5. Phát huy vai trò, trách nhiệm của đội ngũ trí thức; tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động các hội trí thức

- Tăng cường công tác tư tưởng đối với đội ngũ trí thức, nhà khoa học, người có tài năng, nhất là trí thức trẻ nhằm khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, trách nhiệm, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

- Trí thức của từng ngành, lĩnh vực cần có nhận thức đúng, đủ về sứ mệnh của mình, có tầm nhìn xa, trông rộng, tư duy sáng tạo, năng lực nghiên cứu và đổi mới, khả năng hội nhập quốc tế; có trách nhiệm chăm lo, đào tạo đội ngũ kế cận, truyền đạt những kiến thức mới và định hướng tương lai cho đất nước; đồng thời có trách nhiệm chính trị và đạo đức, đoàn kết và phát huy sức mạnh tổng hợp của trí thức Việt Nam, đóng góp tích cực cho đất nước.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của trí thức theo hướng bảo đảm hoạt động công bằng, khách quan, cạnh tranh lành mạnh, tích cực; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần cống hiến, trách nhiệm, lòng tự trọng, tự tôn, ý chí, khát vọng của đội ngũ trí thức. Nâng cao trách nhiệm, tính tự giác, tiên phong, gương mẫu của các cấp uỷ của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam từ Trung ương đến địa phương.

- Đổi mới mạnh mẽ tổ chức bộ máy, phương thức hoạt động của các tổ chức hội trí thức theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao chất lượng, hiệu quả tư vấn, phản biện, giám định xã hội. Có chính sách để các hội trí thức được thực hiện một số dịch vụ công, cấp chứng chỉ hành nghề, giám sát các hoạt động nghề nghiệp.

V- VỀ TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 8 KHOÁ XI VỀ CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Thảo luận Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhất trí cao cho rằng: Trong 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã phát huy tinh thần yêu nước, đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, đạt được những thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật. Trong giai đoạn phát triển mới hiện nay và sắp tới, tình hình thế giới và khu vực dự báo sẽ còn tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới. Cục diện thế giới đa cực, đa trung tâm, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn sẽ ngày càng quyết liệt, thậm chí có nguy cơ xung đột, đối đầu, tạo thách thức rất lớn đối với các nước đang phát triển, nhất là các nước có độ mở của nền kinh tế cao, sức chống chịu và khả năng cạnh tranh còn hạn chế

như nước ta. Các nước lớn sẽ tăng cường điều chỉnh chiến lược, lôi kéo, tập hợp lực lượng, vừa hợp tác, thoả hiệp, vừa đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau và can dự, chi phối nội bộ nước khác. Nhiều điểm nóng an ninh tiếp tục tồn tại, có nguy cơ lan rộng, làm xuất hiện các hình thái chiến tranh, loại hình tác chiến, không gian chiến lược mới. Khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ, tạo ra những biến đổi trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. An ninh truyền thống cũng như phi truyền thống, nhất là thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an ninh lương thực, năng lượng, an ninh mạng... đặt ra nhiều thách thức đối với các quốc gia. Châu Á - Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Đông Nam Á tiếp tục phát triển năng động nhưng trở thành trọng điểm cạnh tranh quyết liệt giữa các nước lớn.

Ở trong nước, chúng ta tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn còn hiện hữu, có mặt gay gắt hơn. Những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; sự xuống cấp về các giá trị văn hoá, đạo đức, lối sống; những mâu thuẫn, bức xúc trong xã hội còn diễn biến phức tạp; phân cực giàu - nghèo có xu hướng ngày càng tăng. Trên một số vùng chiến lược, địa bàn trọng điểm còn tiềm ẩn các yếu tố gây mất ổn định. Tranh chấp biển, đảo, chủ quyền lãnh thổ, chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng... là những nguy cơ lớn luôn có thể xảy ra. Các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị trong và ngoài nước câu kết với nhau tăng cường các hoạt động "diễn biến hoà bình", "phi chính trị hoá" lực lượng vũ trang với âm mưu, thủ đoạn chống phá ngày càng tinh vi, công khai và trực diện hơn.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất chủ trương: Bối cảnh tình hình mới cần phải ban hành và tổ chức thực hiện thật tốt Nghị quyết mới của Trung ương về nhiệm vụ chiến lược đặc biệt quan trọng này; đồng thời, khẳng định: Luôn luôn giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý, điều hành tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; dựa vào dân, lấy "dân là gốc", khơi dậy, phát huy ý chí tự lực, tự cường, truyền thống văn hoá, yêu nước, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng "thế trận lòng dân", lấy "yên dân" là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chú trọng bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc, luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Tập trung ưu tiên thực hiện thắng lợi đồng bộ các nhiệm vụ chính trị: Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên quyết, kiên trì, chủ động tạo lập thời cơ, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định và điều kiện thuận lợi để xây dựng, phát triển đất nước. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường đầu tư thích đáng xây dựng nền quốc phòng

toàn dân, nền an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, tuyệt đối không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; chủ động, tích cực hội nhập, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất ban hành Nghị quyết với tên gọi *Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*. Nghị quyết đã đề ra 5 quan điểm, 6 mục tiêu, 3 phương châm chỉ đạo và 6 nhiệm vụ, giải pháp. Nghị quyết có độ mật cao (Tối mật). Thời gian tới sẽ có hình thức tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện phù hợp.

VI- THÀNH LẬP CÁC TIỂU BAN CHUẨN BỊ ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận và thống nhất thành lập 5 Tiểu ban chuẩn bị Đại hội XIV của Đảng.

1. Tiểu ban Văn kiện do đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Trưởng Tiểu ban. Tiểu ban có nhiệm vụ xây dựng Báo cáo chính trị và Báo cáo tổng kết những thành tựu, kết quả của 40 năm đổi mới (1986 - 2026) trình Đại hội XIV của Đảng.

2. Tiểu ban Kinh tế - Xã hội do đồng chí Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Tiểu ban. Tiểu ban có nhiệm vụ xây dựng Báo cáo 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030); xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2026 - 2030 trình Đại hội XIV của Đảng.

3. Tiểu ban Điều lệ Đảng do đồng chí Trương Thị Mai, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương làm Trưởng Tiểu ban. Tiểu ban có nhiệm vụ xây dựng Báo cáo về công tác xây dựng Đảng 5 năm (2021 - 2025) và Báo cáo tổng kết việc thi hành Điều lệ Đảng và bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng.

4. Tiểu ban Nhân sự do đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Trưởng Tiểu ban. Tiểu ban có nhiệm vụ xây dựng Phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV; Kế hoạch triển khai việc giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Đảng khoá XIV, nhiệm kỳ 2026 - 2031; Báo cáo công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV trình Đại hội XIV của Đảng.

5. Tiểu ban Tổ chức phục vụ Đại hội do đồng chí Trương Thị Mai, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương làm Trưởng Tiểu ban. Tiểu ban có nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện và phục vụ Đại hội XIV của Đảng.

VII- VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét, quyết định một số vấn đề về công tác cán bộ:

1. Xem xét, cho ý kiến về việc giới thiệu nhân sự quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhiệm kỳ 2026 - 2031 để Bộ Chính trị xem xét, quyết định quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo thẩm quyền.

2. Bầu đồng chí Lê Hoài Trung, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương giữ chức Ủy viên Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII.

3. Bầu bổ sung 3 Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XIII, gồm: Đồng chí Đào Thế Hoàng, Vụ trưởng Vụ Địa bàn VI, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương; đồng chí Lê Nguyễn Nam Ninh, Vụ trưởng Vụ Nghiên cứu, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương; đồng chí Thiếu tướng Vũ Hồng Văn, Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Bộ Công an.

4. Đồng ý đề đồng chí Điều K'ré thôi giữ chức Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

5. Thi hành kỷ luật bằng hình thức Cách chức tất cả các chức vụ trong Đảng đối với đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre và đồng chí Trịnh Văn Chiến, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hoá.

VIII- Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thông qua Báo cáo của Bộ Chính trị về những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương giữa nhiệm kỳ (Hội nghị Trung ương 7) đến Hội nghị Trung ương 8 và một số nhiệm vụ trọng tâm đến Hội nghị Trung ương 9 khóa XIII; Báo cáo công tác tài chính đảng năm 2022.

*

* *

Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu, tranh thủ thời cơ vượt qua mọi khó khăn, thách thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và các năm tiếp theo; tổ chức thực hiện có hiệu quả các nghị quyết và kết luận Hội nghị Trung ương lần thứ tám, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.
